

HỆ THỐNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP VÀ CÁC QUI ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN THEO MỤC LỤC NGÂN SÁCH MỚI

- * HỆ THỐNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH
SỰ NGHIỆP ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
- * HỆ THỐNG MỤC LỤC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐẾN 12/2005
- * NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP NGÀY 17-10-2005
QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM
ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC
- * THÔNG TƯ SỐ 199/2005/TT-BTC NGÀY 17-11-2005
HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC NĂM 2006
- * THÔNG TƯ 101/2005/TT-BTC NGÀY 17-11-2005 HƯỚNG DẪN
CÔNG TÁC KHÓA SỔ KẾ TOÁN CUỐI NĂM VÀ LẬP BÁO CÁO,
QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH HÀNG NĂM



NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH

**HỆ THỐNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP
VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN
THEO MỤC LỤC NGÂN SÁCH MỚI**

Luật gia QUỐC CƯỜNG – THANH THẢO
(*Hệ thống hóa*)

**HỆ THỐNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN
HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP VÀ CÁC QUY ĐỊNH
VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN
THEO MỤC LỤC NGÂN SÁCH MỚI**



NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH

LỜI NÓI ĐẦU

Nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước, nâng cao chất lượng công tác quản lý tài chính, kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp, góp phần thực hiện tốt Luật Ngân sách Nhà nước, đồng thời giúp các đơn vị quản lý, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn kinh phí được Ngân sách Nhà nước cấp, Bộ Tài chính đã ban hành Hệ thống Chế độ kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp áp dụng thống nhất trong cả nước từ ngày 01-01-1997 (Quyết định số 999C/QĐ/CDKT ngày 02-11-1996). Từ đó đến nay, Bộ Tài chính đã ban hành nhiều văn bản sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán hành chính sự nghiệp cho phù hợp với các chính sách tài chính và các Luật thuế mới. Do đó, một khối lượng lớn các quy định về kế toán hành chính sự nghiệp đã thay đổi và năm ở nhiều các văn bản khác nhau, gây khó khăn cho việc thực hiện công tác kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp. Trong những năm qua, Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành có liên quan cũng đã ban hành nhiều văn bản mới sửa đổi, bổ sung các chính sách, chế độ quản lý tài chính, kế toán đặc biệt là đổi mới cơ chế tài chính, thực hiện chế độ tự chủ tài chính đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp.

Để giúp cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp trong các ngành và các địa phương trong cả nước thuận tiện trong việc học tập, nghiên cứu và vận dụng đúng đắn các chính sách, chế độ quản lý tài chính, kế toán hiện hành, Nhà xuất bản Tài chính xuất bản cuốn sách "HỆ THỐNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN THEO MỤC LỤC NGÂN SÁCH MỚI"

Nội dung cuốn sách gồm có 9 Mục:

Mục I. Những quy định chung về kế toán, kiểm toán trong lĩnh vực kế toán nhà nước

Mục II. hệ thống chế độ kế toán hành chính sự nghiệp (đã sửa đổi, bổ sung đến tháng 12-2005)

Mục III. quy định về lập, quản lý dự toán và quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước

Mục IV. hệ thống mục lục ngân sách nhà nước (Đã sửa đổi, bổ sung đến tháng 12-2005)

Mục V. Các quy định mới hướng dẫn thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính, chế độ tài chính đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp

Mục VI. Các quy định về quản lý, mua sắm, sử dụng tài sản, vật tư trang thiết bị, chi công tác phí, chi hội nghị của đơn vị hành chính sự nghiệp

Mục VII. Công khai tài chính

Mục VIII. Xử lý nợ

Mục IX. các quy định mới về thuế, phí và lệ phí

Hy vọng cuốn sách là tài liệu tham khảo bổ ích cho cơ quan quản lý, các cán bộ kế toán, giúp thủ trưởng đơn vị hành chính sự nghiệp nắm vững được tình hình hoạt động của đơn vị, và tất cả những ai quan tâm đến công tác kế toán hành chính sự nghiệp.

Nhà xuất bản mong nhận được sự góp ý từ phía bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong những lần tái bản sau.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH

Mục I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN TRONG LĨNH VỰC KẾ TOÁN NHÀ NƯỚC

1. LUẬT SỐ 03/2003/QH11 NGÀY 17-6-2003 CỦA QUỐC HỘI NUÔI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Về kế toán

Để thống nhất quản lý kế toán, bảo đảm kế toán là công cụ quản lý, giám sát chặt chẽ, có hiệu quả mọi hoạt động kinh tế, tài chính, cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực, kịp thời, công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu tổ chức, quản lý điều hành của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân;

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25-12-2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;

Luật này quy định về kế toán.

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về nội dung công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, người làm kế toán và hoạt động nghề nghiệp kế toán.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng của Luật này bao gồm:

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước;

b) Đơn vị sự nghiệp, tổ chức không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước;

c) Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam;

d) Hợp tác xã;

d) Hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác;

e) Người làm kế toán, người khác có liên quan đến kế toán.

2. Đối với văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác, Chính phủ quy định cụ thể nội dung công tác kế toán theo những nguyên tắc cơ bản của Luật này.

Điều 3. Áp dụng điều ước quốc tế

Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định về kế toán khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Kế toán* là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động.

2. *Kế toán tài chính* là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính bằng báo cáo tài chính cho đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin của đơn vị kế toán.

3. *Kế toán quản trị* là việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán.

4. *Nghiệp vụ kinh tế, tài chính* là những hoạt động phát sinh cụ thể làm tăng, giảm tài sản, nguồn hình thành tài sản của đơn vị kế toán.

5. *Đơn vị kế toán* là đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 2 của Luật này có lập báo cáo tài chính.

6. *Kỳ kế toán* là khoảng thời gian xác định từ thời điểm đơn vị kế toán bắt đầu ghi sổ kế toán đến thời điểm kết thúc việc ghi sổ kế toán, khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính.

7. *Chứng từ kế toán* là những giấy tờ và vật mang tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh và đã hoàn thành, làm căn cứ ghi sổ kế toán.

8. *Tài liệu kế toán* là chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị, báo cáo kiểm toán, báo cáo kiểm tra kế toán và tài liệu khác có liên quan đến kế toán.

9. *Chế độ kế toán* là những quy định và hướng dẫn về kế toán trong một lĩnh vực hoặc một số công việc cụ thể do cơ quan quản lý nhà nước về kế toán hoặc tổ chức được cơ quan quản lý nhà nước về kế toán ủy quyền ban hành.

10. *Kiểm tra kế toán* là xem xét, đánh giá việc tuân thủ pháp luật về kế toán, sự trung thực, chính xác của thông tin, sổ liệu kế toán.

11. *Hành nghề kế toán* là hoạt động cung cấp dịch vụ kế toán của doanh nghiệp hoặc cá nhân có đủ tiêu chuẩn, điều kiện thực hiện dịch vụ kế toán.

12. *Hình thức kế toán* là các mẫu sổ kế toán, trình tự, phương pháp ghi sổ và mối liên quan giữa các sổ kế toán.

13. *Phương pháp kế toán* là cách thức và thủ tục cụ thể để thực hiện từng nội dung công việc kế toán.

Điều 5. Nhiệm vụ kế toán

1. Thu thập, xử lý thông tin, sổ liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán.

2. Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán.

3. Phân tích thông tin, sổ liệu kế toán; tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán.

4. Cung cấp thông tin, sổ liệu kế toán theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Yêu cầu kế toán

1. Phản ánh đầy đủ nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh vào chứng từ kế toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính.

2. Phản ánh kịp thời, đúng thời gian quy định thông tin, sổ liệu kế toán.

3. Phản ánh rõ ràng, dễ hiểu và chính xác thông tin, sổ liệu kế toán.

4. Phản ánh trung thực hiện trạng, bản chất sự việc, nội dung và giá trị của nghiệp vụ kinh tế, tài chính.